

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 13/02/2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chính

Ông Nguyễn Xuân Chung

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hữu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2026/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Chu Thị V**, sinh năm 1989 (Đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: **Thôn N, xã T, tỉnh Bắc Ninh.**

Bị đơn: Anh **Diêm Đình B**, sinh năm 1984 (Đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: **Thôn N, xã T, tỉnh Bắc Ninh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ghi ngày 28/10/2025, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án chị **Chu Thị V** là nguyên đơn trình bày:*

Về tình cảm vợ chồng: Chị và anh **Diêm Đình B** kết hôn ngày 21/9/2010 tại **Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang** (nay là **UBND phường V, tỉnh Bắc Ninh**). Trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu và cùng thống nhất đi đến việc kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng đến khoảng đầu năm 2023 vợ chồng có mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Đến nay vợ chồng không quan tâm và không có trách nhiệm gì với

n nhau, không liên lạc gì với nhau và vợ chồng chấm dứt hoàn toàn mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn và được 2 bên gia đình động viên đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay cuộc sống hôn nhân chung sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Diêm Đình B**.

Về con chung: Chị và anh **B** có 03 con chung là cháu **Diêm Thị Quỳnh C**, sinh ngày 01/7/2011, cháu **Diêm Thị Bích P**, sinh ngày 06/4/2013, cháu **Diêm Thị Bích N**, sinh ngày 10/9/2020. Chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cả 03 con chung cho chị nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **V** không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài chung, công nợ chung: Chị **V** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn là anh **Diêm Đình B** trình bày:* Anh và chị **Chu Thị V** kết hôn ngày 21/9/2010, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **V**, huyện **V**, tỉnh **Bắc Giang** (Nay là phường **V**, tỉnh **Bắc Ninh**). Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại thôn **N**, xã **T**, tỉnh **Bắc Giang** (Nay là thôn **N**, xã **T**, tỉnh **Bắc Ninh**). Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không hoà hợp, thường xuyên cãi vã, hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Gia đình họ hàng hai bên cũng có hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Anh, chị đã ly thân từ năm 2024 đến nay không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị **V** đề nghị ly hôn thì anh hoàn toàn đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị **Chu Thị V** có 03 con chung là **Diêm Thị Quỳnh C**, sinh ngày 01/7/2011; **Diêm Thị Bích P**, sinh ngày 06/4/2013 và **Diêm Thị Bích N**, sinh ngày 10/9/2020. Nay ly hôn anh có nguyện vọng để chị **V** trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Chu Thị V** được ly hôn với anh **Diêm Đình B**.

- Về con chung: Giao cháu **Diêm Thị Quỳnh C**, sinh ngày 01/7/2011; **Diêm Thị Bích P**, sinh ngày 06/4/2013 và **Diêm Thị Bích N**, sinh ngày 10/9/2020 cho chị **Chu Thị V** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh **Diêm Đình B** được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị **Chu Thị V** chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị **Chu Thị V** có đơn đề nghị giải quyết về ly hôn và con chung với anh **Diêm Đình B** nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn là anh **Diêm Đình B** có địa chỉ cư trú tại **xã T, tỉnh Bắc Ninh**. Căn cứ Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị **V** và anh **B** là đương sự trong vụ án, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS, hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **V** kết hôn với anh **B** trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang**

(nay là phường V, tỉnh Bắc Ninh) ngày 21 tháng 9 năm 2010, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn theo các bên đương sự trình bày do anh, chị bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Giữa chị V và anh B đến nay không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Chị V vẫn kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và anh B đồng ý ly hôn.

Vì vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị V và anh B có 03 con chung là cháu Diêm Thị Quỳnh C, sinh ngày 01/7/2011; Diêm Thị Bích P, sinh ngày 06/4/2013 và Diêm Thị Bích N, sinh ngày 10/9/2020. Chị V trình bày ý kiến có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 03 con. Anh B có ý kiến đồng ý để chị V nuôi dưỡng các con.

Xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi, điều kiện chăm sóc tốt nhất cho các cháu C, P, N; để không làm xáo trộn sinh hoạt cũng như để ổn định sự phát triển về thể chất, tinh thần của các cháu; trên cơ sở quy định của pháp luật, cần thiết giao các con chung cho chị V nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung: Chị V và anh B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Chu Thị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003099 ngày 06/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Chu Thị V đã nộp đủ tiền án phí.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Đ a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Chu Thị V được ly hôn anh Diêm Đình B.

2. Về con chung: Giao cháu **Diêm Thị Quỳnh C**, sinh ngày 01/7/2011; **Diêm Thị Bích P**, sinh ngày 06/4/2013 và **Diêm Thị Bích N**, sinh ngày 10/9/2020 cho chị **Chu Thị V** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh **Diêm Đình B** được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Chu Thị V** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003099 ngày 06/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị **Chu Thị V** đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Chu Thị V**, anh **Diêm Đình B** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

N-i nhĒn:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG xĐt xō s- thĒm
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Giáp Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Chính Nguyễn Xuân Chung

Giáp Thị Loan

